

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 62/TTr-SNNMT ngày 14/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Bao bì HEFENG (địa chỉ: Số 71D, đường Chi Lăng, thôn Minh Trại, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Xưởng gia công sản xuất và in bao bì bằng nguyên liệu bìa cát tông phục vụ cho các nhà máy đóng gói sản phẩm” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Xưởng gia công sản xuất và in bao bì bằng nguyên liệu bìa cát tông phục vụ cho các nhà máy đóng gói sản phẩm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 71D, đường Chi Lăng, thôn Minh Trại, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2803188497 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa cấp, đăng ký lần đầu

ngày 18/08/2025.

1.4. Mã số thuế: 2803188497.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh: Gia công in ấn, sản xuất hộp giày và thùng cat tông.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Tổng diện tích sử dụng đất của dự án: 6.425 m².

- Quy mô về dự án: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Công suất hoạt động: 36.000.000 bộ hộp giày/năm và 24 triệu bộ thùng cat tông/năm, sử dụng khoảng 50 lao động.

- Công nghệ sản xuất:

+ Quy trình công nghệ sản xuất hộp giày: Nguyên liệu → Xác định quy cách → In flexo → Cắt khuôn, bế hộp → Xử lý bề mặt → Đóng ghim/dán keo → Kiểm tra chất lượng và nhập kho thành phẩm.

+ Quy trình công nghệ sản xuất thùng cat tông: Nguyên liệu → Xác định quy cách đóng thùng → Cắt tấm → In kỹ thuật số → Tạo rãnh, bế hộp và dán keo/đóng ghim thùng → Kiểm tra chất lượng và đóng gói → Nhập kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Quản lý bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Bao bì HEFENG:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Bao bì HEFENG có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành

các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **09 năm 10 tháng**, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực (ngày 25/01/2026).

(Hợp đồng cho thuê nhà xưởng sản xuất giữa Công ty TNHH Du lịch thương mại Hòa Nga và Công ty TNHH bao bì Hefeng, thời hạn thuê 10 năm, từ 01/11/2025 đến 31/10/2035).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của cơ sở được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Quảng Phú;
- Công ty TNHH Bao bì HEFENG;
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Cao Văn Cường

PHỤ LỤC 01
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

a. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước thải từ bể tự hoại như nước từ bồn cầu, bồn tiểu; nước rửa tay chân,...) từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên trong xưởng với lưu lượng 2,8 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải nhà ăn từ hoạt động nấu ăn tại xưởng với lưu lượng 0,75 m³/ngày đêm

b. Nguồn phát sinh nước thải công nghiệp

- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất từ hoạt động rửa dụng cụ in, pha chế keo có lưu lượng 4,0 m³/ngày đêm.

Tổng lưu lượng phát sinh nước thải là 7,55 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước chung của khu vực tại thôn Minh Trại, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Vị trí xả thải: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 08 m³/ngày đêm (24 giờ) được thoát ra ngoài qua ống HDPE -D200.

- Tọa độ điểm xả thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3°): X (m)= 2186527,72; Y (m) = 582253,54.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả thải tối đa: 08 m³/ngày đêm (0,33 m³/giờ).

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Điểm xả nước thải sau xử lý: Nước thải sau hệ thống XLNT tập trung thải ra qua ống HDPE -D200 ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Phương thức xả thải: Tự chảy, liên tục (24 giờ).

2.5. Chế độ xả thải: Liên tục 24 giờ/ngày (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải sau xử lý trước khi xả vào nguồn tiếp nhận: Đảm bảo giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải của dự theo QCVN 40:2025/BTNMT cột C, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 40:2025/ BTNMT (Cột C)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	≤ 40	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 3, điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ- CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ- CP
2	pH	-	6 - 9		
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	≤ 120		
4	COD	mg/l	≤ 130		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 12		
6	Màu	-	≤ 150		
7	BOD ₅	mg/l	≤ 80		
8	Sắt	mg/l	≤ 10		
9	Chì	mg/l	$\leq 0,5$		
10	Đồng	mg/l	$\leq 3,0$		
11	Kẽm	mg/l	$\leq 5,0$		
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	$\leq 5,0$		
13	Tổng Nito	mg/l	≤ 60		
14	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	≤ 10		
15	Sunfua (S^{2-})	mg/l	$\leq 1,0$		
16	Florua (F^{-})	mg/l	≤ 15		
17	Clo dư	mg/l	$\leq 2,0$		
18	Coliform	Vi khuẩn/ 100 ml	≤ 5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- *Đối với nước thải sinh hoạt:* Nước thải vệ sinh → Bể tự hoại 03 ngăn; Nước thải rửa tay chân → Song chắn rác; Nước thải nhà ăn → Bể tách dầu mỡ. Toàn bộ các nguồn nước thải trên được thu gom về đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 08 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

- *Đối với nước thải sản xuất*: Nước thải từ công đoạn rửa vệ sinh các dụng cụ sau quá trình in → Đường ống PVC D90 → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 04 m³/ngày để xử lý → Đường ống PCV D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 8 m³/ngày đêm để xử lý trước khi thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- *Công trình xử lý sơ bộ nước thải sản xuất*

+ Công suất thiết kế: 04 m³/ngày đêm.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất → Bể gom nước thải → Bộ trộn tĩnh → Bể điều hòa nước thải tập trung.

+ Xử lý bùn: Bể lắng hóa lý → Bể chứa bùn → Cột lọc áp lực → Thu gom.

+ Máy móc, thiết bị: Chủ yếu là các máy bơm chìm, bơm ly tâm chuyên dụng, máy khuấy trộn, máy thổi khí, hệ thống phân phối khí và bơm định lượng.

+ Hóa chất sử dụng: PAC, Polymer A (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại phần A của Phụ lục này).

- *Công trình xử lý nước thải tập trung*

+ Công suất thiết kế: 08 m³/ngày đêm.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Toàn bộ nước thải (sinh hoạt, sản xuất) → Bể điều hòa → Bể SBR → Bể khử trùng → Cột lọc than hoạt tính → Môi trường.

+ Xử lý bùn: Bể chứa bùn sinh học → Thu gom theo quy định.

+ Máy móc, thiết bị: Chủ yếu là các máy bơm chìm, bơm ly tâm chuyên dụng, máy khuấy trộn, máy thổi khí, hệ thống phân phối khí và bơm định lượng.

+ Hóa chất sử dụng: NaOH, PAC, Polymer A (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại phần A của Phụ lục này).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại khoản 2, Mục 13 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường). Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng kể từ ngày hoàn thành quá trình thi công xây dựng dự án.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 08 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải đầu vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung và đầu ra tại mương thoát nước khu vực (điểm tiếp nhận nước thải).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.6. Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, cụ thể như sau: thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.6 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra ngoài môi trường chưa đáp ứng quy định về chất lượng nước thải được xả thải ra ngoài môi trường, cũng như xả thải vượt quá lưu lượng tối đa cho phép.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Công ty TNHH Bao bì HEFENG chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu của giấy phép môi trường.

PHỤ LỤC 02
NỘI DUNG QUẢN LÝ BỤI, KHÍ THẢI RA MÔI TRƯỜNG VÀ THỰC HIỆN YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

- Sử dụng dây chuyền sản xuất hiện đại, tiên tiến với các máy móc thiết bị có khả năng tự động hóa cao để giảm bụi, tiếng ồn phát sinh trong quá trình sản xuất, đồng thời tăng năng suất lao động.

- Lắp đặt hệ thống thông gió tại tất cả các xưởng sản xuất, đảm bảo lưu thông không khí. Các vị trí có thể sử dụng điều hòa chủ dự án lắp điều hòa công nghiệp để tạo môi trường không khí tốt nhất cho công nhân lao động.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân gồm: khẩu trang, quần áo, bảo hộ, kính, giày, mũ bảo hộ... với số lượng 2 bộ/người/năm. Yêu cầu công nhân sử dụng đầy đủ bảo hộ lao động trong quá trình sản xuất.

- Trang bị máy hút bụi công nghiệp để vệ sinh sàn nhà xưởng, với 1 máy hút bụi công nghiệp công suất 3,6 kW tại xưởng. Công nhân vệ sinh thường xuyên hút bụi vệ sinh bụi khu vực sàn nhà xưởng.

- Thực hiện thu dọn chất thải sản xuất ngay tại các khu vực phát sinh. Giữa ca và cuối mỗi ca làm việc thực hiện vệ sinh khu vực sản xuất, thu gom chất thải và vận chuyển về kho chứa chất thải rắn.

- Bố trí công nhân vệ sinh thường xuyên quét dọn, lau chùi hành lang, văn phòng, nhà xưởng, đảm bảo các khu vực luôn được vệ sinh sạch.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Công ty TNHH Bao bì Hefeng chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 03
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động sản xuất.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung từ các máy thổi khí, máy bơm của hệ thống XLNT.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày 06h00 đến trước 18h00	Tối 18h00 đến trước 22h00	Đêm 22h00 đến trước 06h00		
1	70	65	60	Không	Khu vực E

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 22 giờ	Từ 22 giờ đến 6 giờ		
1	75	70	Không	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ hệ thống thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý khí thải, máy phát điện. Đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đặt đệm cao su cho các động cơ để giảm thiểu chấn động trong quá trình vận hành. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 04
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	1200
2	Găng tay, giẻ lau dính nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	60
3	Bao bì kim loại cứng dính nhiễm thành phần nguy hại	18 01 02	420
4	Bao bì nhựa cứng bằng nhựa dính nhiễm thành phần nguy hại	18 01 03	600
5	Bao bì mềm thải dính nhiễm thành phần nguy hại	18 01 01	360
6	Pin, ắc quy thải	16 01 12 19 06 05	48
7	Hộp mực in thải, bao bì đựng mực in thải có thành phần nguy hại, cặn mực	08 02 04	4740
8	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (bóng đèn led thải, bóng lưu điện, tắc te...)	16 01 13	60
9	Chất kết dính	08 03 01	240
10	Bùn thải	12 06 06	1.984,32
Tổng			9.604,32

1.2. Khối lượng, chủng loại CTR công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (Tấn/năm)
1	Phôi giấy vụn, giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ, sản phẩm lỗi	Rắn	300
2	Dây buộc, ni lông phát sinh từ quá trình bọc nguyên liệu và sản phẩm	Rắn	30
3	Pallet hỏng và các CTR từ công tác vệ sinh sản phẩm, xử lý bề mặt sản phẩm không chứa thành phần nguy hại	Rắn	45 tấn

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt: 6,24 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Xây dựng 01 kho lưu chứa chất thải có diện tích 20 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được đổ nền bê tông chống thấm, tường xây gạch; mái tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng; chia thành các ngăn chứa riêng biệt đối với từng loại chất thải. Khu vực để chất thải nguy hại được đóng kín, bên ngoài cửa có biển cảnh báo nguy hại.

- Kho lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dán nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy; lắp đặt thiết bị thông gió). Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đối với các chất thải không thể tái chế như dây buộc, nilon, vỏ bao bì đựng nguyên liệu được thu gom vào khu vực chứa phế liệu trong nhà xưởng để lưu giữ tạm thời. Sau đó, Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Đối với chất thải có thể tái chế là phôi giấy vụn và sản phẩm hỏng: sau mỗi ca làm việc công nhân sẽ thu gom về khu vực chứa phế liệu cuối nhà xưởng. Toàn bộ lượng chất thải này được đưa vào máy ép kiện để ép thành khối sau đó được bán lại cho đơn vị khác để tái chế làm nguyên liệu sản xuất.

- Thiết bị lưu chứa: Đối với các sản phẩm lỗi, hỏng thì thu gom xếp vào 1 góc trong kho chứa.

- Diện tích kho chứa: 100 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Tường bao kín, mái che, nền láng bê tông chống thấm. Bên trong có bố trí các khu vực chứa từng loại chất thải rắn thông thường, có hệ thống biển báo, mái che, cửa ra vào theo đúng quy định.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 05 thùng chứa loại 10 lít, 20 lít, 50 lít đặt tại các khu văn phòng, khu nhà bếp, khu nhà ăn,... và trang bị 02 thùng chứa loại 200 lít, có nắp đậy để thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

- Thực hiện thu gom trong ngày.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường.

2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

PHỤ LỤC 05

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Đối với thu gom, xử lý nước thải giai đoạn thi công

- Trong giai đoạn thi công xây dựng, do đặc thù là lắp đặt các cột kèo, máy móc, thiết bị, gần như không thực hiện các hoạt động đào đắp, xây dựng. Do đó, không phát sinh nước thải từ thi công.

- Đối với nước thải từ vệ sinh của công nhân, được sử dụng nhà vệ sinh được lắp đặt trước đó của Công ty TNHH Du lịch thương mại Hòa Nga.

2. Biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

2.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

CTRSH của công nhân làm việc: bố trí 02 thùng chứa rác chuyên dụng, dung tích 100 lít, có nắp đậy. Cuối ngày bố trí nhân viên dọn vệ sinh đưa rác ra khu vực tập kết rác thải sinh hoạt Công ty sẽ ký hợp đồng thu gom CTR sinh hoạt với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Đối với chất thải trong quá trình thi công xây dựng

- Các loại Mảnh gỗ, bao bì các tông, xốp, dây buộc, nilon gói thiết bị... Ước tính lượng chất thải từ quá trình này khoảng 500 kg.

- Các loại CTR được phân loại theo giá trị sử dụng của chúng như: Thùng gỗ, bìa carton, nilon,... dùng để bọc, đựng máy móc thiết bị... sẽ được thu gom bán cho cơ sở thu mua phế liệu. Những chất thải không có khả năng tái sử dụng sẽ được thu gom vào khu vực chứa CTR thông thường của xưởng và thuê đơn vị có chức năng mang đi xử lý sau khi kết thúc quá trình lắp đặt.

3. Các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải

- Lập kế hoạch lắp đặt máy móc thiết bị và nhân lực hợp lý để tránh chòng chẹo giữa các quy trình thực hiện.

- Khi lắp đặt, tháo dỡ máy móc thiết bị lên xuống công nhân, kỹ thuật viên sẽ được trang bị đầy đủ BHLĐ cá nhân, thực hiện các thao tác nhẹ nhàng, có các tấm lót dưới sàn nhà để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi, cũng như tiếng ồn tới sức khỏe của công nhân lắp đặt.

4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Các loại chất thải nguy hại được thu gom và lưu trữ trong thùng chứa chất thải 50 lít có nắp đậy kín, được quây kín, có mái che, nền cao tránh nước mưa, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt,... Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì chúng sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn y tế thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/03/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định chi tiết quản lý CTRSH của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; QCVN 26:2025/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.